

Bản án số: **54/2022/HS - ST**
Ngày 21/6 /2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Minh Côn.

2. Ông Nguyễn Việt Hưng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hào, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2022/TLST - HS ngày 17/5/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST - HS ngày 06/6/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: TRẦN VĂN T (Tên gọi khác: Đàm Tuyên D), sinh ngày 05 tháng 01 năm 1975;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và Chỗ ở: TDP 3, thị trấn Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 8/12. Con ông: Trần Đăng N, đã chết; Con bà: Nguyễn Thị D, sinh năm 1946. Vợ: Hoàng Thị M, sinh năm 1977. Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2007. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa.*

2. Họ và tên: NGUYỄN BÁ C (Tên gọi khác: Nguyễn Cao C), sinh ngày 14 tháng 4 năm 1979;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và Chỗ ở: TDP 3, thị trấn Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Cơ khí; Trình độ văn hoá: 12/12. Con ông: Nguyễn Thế L, sinh năm 1933; Con bà: Nguyễn Thị G, sinh năm 1937. Vợ, con: Chưa có. Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ 7 trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa.*

*** Người bị hại:** Ông Trần Văn C1, sinh 1974. Trú tại: Tổ 26, P. P, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (*Có mặt tại phiên tòa*).

*** Người có QLNVLQ:**

1. Anh Dương Văn L, sinh năm 1989. Trú tại: TDP 9, TT Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (*Vắng mặt có lý do*).

2. Anh Nguyễn Thế V, sinh năm 1989. Trú tại: TDP 3, TT Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (*Vắng mặt có lý do*);

3. Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1977. Trú tại: TDP 3, TT Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (*Có mặt tại phiên tòa*).

*** Người làm chứng:**

1. Ông Lê Văn L, sinh năm 1976. Trú tại: TDP 3, TT Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (*Vắng mặt*).

2. Chị Hoàng Thị L2, sinh năm 1994. Trú tại: TDP 3, TT Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (*Vắng mặt*).

3. Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1976. Trú tại: TDP 3, TT Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (*Vắng mặt*).

4. Ông Triệu Bắc H, sinh năm 1966. Trú tại: xóm V, xã Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 7/12/2021 Trần Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu PREALM, loại Honda Dream, màu nâu BKS 20L5 - CCCC chở Nguyễn Bá C đi đến nhà anh Trương Văn Á (sinh năm 1974, trú tại Tổ dân phố 3, thị trấn Q, huyện Đại Từ) để bán mái tôn thuê cho nhà anh Á. Khi đi T mang theo một chiếc kim màu đỏ loại kim cầm tay còn C mang theo một con dao quắm. Trên đường đi, C rủ T đi lên trang trại của Trần Văn C1 thuộc xóm Nông Trường, xã Cát Nê, huyện Đại Từ hiện đang bỏ hoang không có ai trông coi quản lý để trộm lưới thép về rào vườn nhà mình, thì T đồng ý. T điều khiển xe chở C đến khu vực vườn cây nhà anh C1, đến nơi, T dựng xe mô tô trước cổng trang trại rồi cùng C đi bộ vòng quanh trang trại quan sát rồi quay lại vị trí để xe, T và C thống nhất sẽ lấy rào lưới thép gai từ đầu cổng xuống đến chân dốc. T dùng dao quắm phát cỏ bám vào lưới thép, còn C dùng kim để cắt và gỡ các đầu mối của dây thép. T và C cắt được khoảng 100m thì dừng lại rồi đi về nhà anh Á để tiếp tục bán mái tôn đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày thì nghỉ. C bảo T ở nhà anh Á đợi, còn C về lấy xe ô tô đi chở các cuộn thép đã dỡ. T đồng ý. Sau đó C điều khiển xe mô tô BKS 20L5 - CCCC của T và gọi điện cho anh Dương Văn L (sinh năm 1989, trú tại tổ dân phố 9, thị trấn Q, huyện Đại Từ) để mượn xe ô tô tải BKS 36N - BBBB của anh L, do anh L đang uống rượu nên C điều khiển xe mô tô đi đến nhà anh L. Đến nơi, C thấy xe ô tô

tải nhãn hiệu Hoa M, màu xanh, BKS 36N - BBBB để ở vườn cạnh sân, C lên xe thấy chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện nên đã nổ máy điều khiển xe ô tô đến nhà anh Ánh để đón T đến trang trại vườn cây nhà anh C1. Khi điều khiển xe ô tô tải đến nơi, C quay đầu xe ô tô trước cổng vào của trang trại rồi C và T đi bộ lên đỉnh đồi phát hiện thấy có 01 téc nước bằng nhựa màu trắng bên ngoài được hàn khung sắt cố định và 01 khung sắt bằng kim loại ở phía sau bên phải nhà nghỉ của công nhân, T và C cùng nhau khiêng xuống dốc, đẩy vào phía trong cùng của thùng xe ô tô. T và C tiếp tục đi lên khu vực phía sau bên phải nhà nghỉ của công nhân thấy có 01 khung sắt bằng kim loại để chân téc nước nên cả hai khiêng xuống dốc và đẩy lên thùng xe ô tô. T và C tiếp tục quay lại đi lên phía trước khu nhà ở của công nhân thì thấy có 02 cánh cửa bằng kim loại màu xanh, đã được tháo rời ở trước cửa nhà. T và C mỗi người bê một cánh cửa xuống dựng cạnh xe ô tô. Tiếp đó, T và C cùng nhau cuộn các tấm lưới thép từ đầu cổng xuống đến chân dốc của trang trại lại được 04 cuộn hình trụ tròn rồi cùng nhau cho 03 cuộn lưới thép lên xe, thì thùng xe đã đầy nên T và C cho thêm 02 cánh cửa lên xe, còn 01 cuộn thép để lại vườn cây. Sau đó C điều khiển xe ô tô chở về nhà chị gái ruột là Nguyễn Thị Vân Anh, (sinh năm 1976, trú tại tổ dân phố 3, thị trấn Q, huyện Đại Từ (bên cạnh nhà C) và đổ ben các tài sản vừa trộm cắp được xuống khu vực bãi đất trống cạnh nhà chị Vân Anh. Do còn 01 cuộn lưới thép chưa lấy nên C tiếp tục sang nhà anh Nguyễn Thế V, sinh năm 1989 (là cháu ruột của C) ở cùng tổ dân phố để mượn xe ô tô tải nhãn hiệu HUYNDAI, màu xanh, BKS 29C-AAAAA của anh V. Lấy được xe, cả hai cùng đi đến trang trại của anh C1 khênh cuộn lưới thép còn lại lên thùng xe rồi C điều khiển xe ô tô về nhà anh Ánh và dừng xe ở rìa đường trước cổng nhà để T xuống xe vào lấy những đoạn sắt còn thừa khi bắt mái tôn cho vào thùng xe. Lúc này anh Trần Văn C1 nhận được thông tin có người trộm cắp tài sản tại trang trại của mình lên đã điều khiển xe ô tô lên trang trại. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày thì đến nơi, anh C1 phát hiện trang trại bị mất trộm nên đã dùng ô tô để truy tìm tài sản. Khi đi đến nhà anh Ánh ở tổ dân phố 3, thị trấn Q thì thấy xe ô tô tải của C đang đỗ ở đó nên anh C1 đã xuống xe hỏi và kiểm tra trên thùng xe ô tô của C thì phát hiện có cuộn lưới thép trên thùng xe là của mình nên giữa anh C1, C và T xảy ra cãi nhau. Thấy bị phát hiện nên C và T điều khiển xe ô tô bỏ chạy cách cổng nhà anh Ánh một đoạn thì bị anh C1 đuổi theo chặn lại. C đã lên thùng xe kéo cuộn lưới thép xuống rìa đường tỉnh lộ 261. Anh C1 ngăn cản không cho C và T đi nên đã dùng tay giữ vô lăng xe ô tô lại. C không lái được xe nên đã bảo T xuống kéo anh C1 ra, T liền lấy con dao quắm dùng để phát cỏ để trong xe rồi cầm ở tay phải xuống xe dọa chém anh C1. Thấy vậy, anh C1 bỏ tay ra khỏi vô lăng xe thì T lên xe đi, anh C1 lại giữ vô lăng không cho C lái xe, lúc này T đang ngồi ở ghế phụ đã dùng 01 chiếc mũ cối màu xanh với qua người của C và đánh nhiều nhát vào vùng mặt, tay của anh C1. Do bị đau nên anh C1 bỏ tay ra thì C và T điều khiển xe bỏ chạy về trả xe ô tô cho anh V và đi đến nhà chị Vân Anh bốc toàn bộ số tài sản trộm cắp đã đổ trước đó lên xe ô tô tải của anh L, điều khiển xe đến thẳng

nhà anh L và đồ tất cả các đồ vật trên xuống bãi đất trống cạnh nhà anh L. Sau đó Cương và T đi xe mô tô của T về nhà.

Về phía anh C1, sau khi phát hiện bị mất tài sản đã làm đơn trình báo Công an xã Cát Nê, huyện Đại Từ. Xét thấy vụ việc có dấu hiệu của tội phạm, Công an xã Cát Nê đã chuyển hồ sơ, vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, công an huyện Đại Từ để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại kết luận định giá tài sản số 72 ngày 16/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận: Tại thời điểm tháng 12/2021.

+ 04 cuộn lưới thép, loại thép không gỉ, có tổng khối lượng là 468 kg, có giá 12.168.000 đồng.

+ 02 cánh cửa, khung bằng sắt, gắn tôn màu xanh, kích thước 2,05x0,76m có giá 1.324.300 đồng.

+ 01 téc nước bằng nhựa, màu trắng, bên ngoài hàn đai sắt, kích thước 117x98x114cm có giá 600.000 đồng.

+ 01 khung chân téc nước bằng kim loại, có khối lượng 62kg có giá 1.984.000 đồng. Tổng cộng: **16.076.3000** đồng.

Vật chứng của vụ án gồm:

1. 04 cuộn lưới thép có khối lượng 468 kg; 01 khung kim loại (chân téc nước) có khối lượng 62kg; 02 cánh cửa bằng kim loại có khối lượng 20kg; 01 téc nước bằng nhựa bọc khung kim loại có khối lượng 60kg; 01 xe ô tô tải nhãn hiệu HYUNDAI loại xe thùng, màu sơn xanh, tải trọng 750kg gắn BKS 29C - AAAAA; 01 xe ô tô nhãn hiệu Hoa M, loại xe tải ben, BKS 36N - BBBB. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh L, anh V và ông C1 quản lý sử dụng.

2. 01 xe mô tô nhãn hiệu Drem BKS 20L5 - CCCC; 01 con dao, loại dao quắm có chuôi bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại; 01 đăng ký xe mô tô, chủ xe mang tên V Đình Xuân, SN 1971, BKS 20L5 - CCCC; 01 mũ cối màu xanh. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, T và C đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho anh C1 số tiền 30.000.000 đồng. Anh C1 đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu đề nghị gì, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T và C.

Tại cáo trạng số 60/CT - VKS ngày 13/5/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Bá C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm đ khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị HĐXX **áp dụng:** điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS. **Xử phạt:** các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Bá C *mỗi* bị cáo mức án từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Trả lại chiếc xe mô tô cho chị M. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận: Các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận. Thừa nhận việc truy tố xét xử là đúng người, đúng tội, không oan; nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, C1 cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2.} Về C1 cứ buộc tội: Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ diễn biến, hành vi nội dung sự việc đúng như nội dung kết luận điều tra và bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người người làm chứng; biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản và sơ đồ khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 07/12/2021 tại trang trại của ông Trần Văn C1 thuộc xóm Nông Trường, xã Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Nguyễn Văn T và Nguyễn Bá C đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông C1 gồm: 04 cuộn lưới thép, 01 téc nước, 01 chân téc nước, 02 cánh cửa bằng sắt có tổng giá trị là 16.076.300 đồng. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi C và T đang tiếp tục dùng xe ô tô BKS 29C - AAAAAA chở 01 cuộn lưới thép còn lại đi cất giấu thì bị ông C1 phát hiện, C đã lên thùng xe kéo cuộn lưới thép xuống rìa đường nhưng bị ông C1 dùng tay kéo vô lăng xe ô tô của C nên C đã dùng tay gỡ tay ông C1, T dùng mũ cối đánh vào vùng đầu, mặt và tay của ông C1 để bỏ chạy. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 BLHS.

Nội dung Điều 173 BLHS quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

đ) Hành hung để tẩu thoát”.

{3}. Xét tính chất hành vi và vai trò phạm tội của các bị cáo:

Tính chất hành vi Trộm cắp của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng. Trong quá trình đi làm mướn thuê cho người khác, thấy có điều kiện thuận lợi

các bị cáo đã rủ nhau cùng trộm cắp tài sản của trang trại gia đình ông Trần Văn C1 là các tấm lưới thép, téc nước, chân téc nước, cánh cửa sắt; mục đích đem đi cất giấu, sau đó đem về nhà sử dụng cá nhân; khi bị phát hiện, các bị cáo đã cùng chung ý trí trong hành động là đánh lại người bị hại nhằm để tẩu thoát. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên các bị cáo đều có vai trò đồng phạm như nhau là người thực hiện hành vi “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết định khung hình phạt.

{4}. Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 BLHS là: “*Tự nguyện ... bồi thường, khắc phục hậu quả*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*”. Ngoài ra các bị cáo đều được người bị hại có đơn và ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo C có bố đẻ là người có công với cách mạng nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

{5}. Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: các bị cáo đều được sinh ra và lớn lên trong gia đình lao động, được nuôi ăn học, có đủ nhận thức về các việc làm đúng sai của bản thân; các bị cáo đều có nhân thân tốt, đều chưa có tiền án, tiền sự và đều chưa bị xử phạt về hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, do tham lam và coi thường pháp luật nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

{6}. Về hình phạt: C1 cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy. Các bị cáo đều là những người lao động bình thường, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đều chưa có tiền án, tiền sự; mặc dù phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, nhưng sau khi vụ án được phát hiện các bị cáo đã tỏ rõ sự ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, nhận tội và chủ động bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả cho người bị hại nên đã được phía người bị hại có đơn và ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt; mặt khác, xét thấy các bị cáo đều có động cơ, mục đích phạm tội mang tính vụ lợi, nhất thời; thực hiện hành vi trộm cắp với vai trò đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, HĐXX cần cân nhắc, xem xét để có mức hình phạt cho phù hợp, vừa đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật vừa đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: xét thấy, cần phạt các bị cáo một khoản tiền theo quy định của pháp luật để sung quỹ Nhà nước.

{7}. Về vật chứng vụ án + Trách nhiệm dân sự có liên quan:

+ 04 cuộn lưới thép có khối lượng 468 kg; 01 khung kim loại (chân téc nước) có khối lượng 62kg; 02 cánh cửa bằng kim loại có khối lượng 20kg; 01 téc nước bằng nhựa bọc khung kim loại có khối lượng 60kg; 01 xe ô tô tải nhãn hiệu HYUNDAI loại xe thùng, màu sơn xanh, tải trọng 750kg gắn BKS 29C - AAAAA; 01 xe ô tô nhãn hiệu Hoa M, loại xe tải ben, BKS 36N - BBBB. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh L, anh V và ông C1 quản lý sử dụng. HĐXX không xem xét.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Drem BKS 20L5 - CCCC; 01 con dao, loại dao quắm có chuôi bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại; 01 đăng ký xe mô tô, chủ xe mang tên V Đình Xuân, SN 1971, BKS 20L5 - CCCC; 01 mũ cối màu xanh. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Drem BKS 20L5 - CCCC và đăng ký xe mô tô, mặc dù tại phiên tòa chỉ M cho rằng có được cùng chồng là bị cáo T mua chung chiếc xe trên nhưng không đưa ra được C1 cứ chứng minh. Vì vậy, xác định chiếc xe trên là công cụ phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung Quỹ Nhà nước; con dao và chiếc mũ cối xác định là công cụ phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu và tiêu hủy.

+ Quá trình điều tra, T và C đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho anh C1 số tiền 30.000.000 đồng. Anh C1 đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu đề nghị gì, HĐXX không xem xét.

{8}. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

{9}. Các nội dung có liên quan khác:

Đối với hành vi dùng mũ cối đập vào vùng mặt, tay của anh C1 do T thực hiện. Do chỉ bị xây xước nhẹ, anh C1 không phải đi điều trị tại bệnh viện nên anh C1 không yêu cầu đề nghị gì.

Nguyễn Bá C đã dùng xe ô tô của anh Dương Văn L và Nguyễn Thế V để chở tài sản trộm cắp. Do anh L và anh V không biết việc C dùng xe ô tô để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không có C1 cứ để xem xét xử lý đối với L và V.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo **Trần Văn T** (Tên gọi khác: Đàm Tuyên Dương) và bị cáo **Nguyễn Bá C** (Tên gọi khác: Nguyễn Cao C) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

- **Áp dụng:** điểm đ khoản 2 Điều 173; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; 65 Bộ luật hình sự;

+ **Xử phạt:**

1. bị cáo **Trần Văn T** ((Tên gọi khác: Đàm Tuyên Dương) **24** (*hai mươi bốn*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là **48** (*bốn mươi tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. bị cáo **Nguyễn Bá C** (Tên gọi khác: Nguyễn Cao C) **24** (*hai mươi bốn*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là **48** (*bốn mươi tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND TT Q, huyện Đại Từ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc

người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật hình sự.

* **Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS;

Phạt bổ sung bị cáo **Trần Văn T** (Tên gọi khác: Đàm Tuyên Dương) và bị cáo **Nguyễn Bá C** (Tên gọi khác: Nguyễn Cao C) *mỗi* bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

* **Về vật chứng:** Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS;

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Drem BKS 20L5 - CCCC và 01 đăng ký xe mô tô, chủ xe mang tên V Đình Xuân, SN 1971, BKS 20L5 - CCCC;

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao, loại dao quắm có chuôi bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại; 01 mũ cối màu xanh

(*Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong mô tả tại Quyết định chuyển vật chứng số 49/QĐ - VKSDT ngày 13/5/2022 của VKSND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên cùng các biên bản giao nhận vật chứng kèm theo*).

* **Về án phí:** Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTWQH14 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Bá C, *mỗi* bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, bị hại và người có QLNVLQ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh TN;
- VKSND tỉnh + huyện Đại Từ;
- Công an huyện Đại Từ;
- THAHS + THADS Đại Từ;
- Bị cáo, Bị hại, Người có QLNVLQ;
- UBND TT Q;
- Lưu hồ sơ + VT.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiên